

# **NHẬN DIỆN VĂN HÓA VÀ VĂN HÓA THẨM MỸ TRONG HAI TƯ CÁCH TỒN TẠI : TƯ CÁCH THỰC THỂ VÀ TƯ CÁCH THĂNG HOA**

**Nguyễn Ngọc Thu**

Trường Đại học Kinh tế

(*Bài nhận ngày 02/06/1999*)

**TÓM TẮT :** Dựa vào tư tưởng của Mác về sự đối tượng hóa các năng lực bản chất con người trong các hoạt động và kết quả hoạt động của họ. Từ đó có thể xác định văn hóa thẩm mỹ là sự thể hiện và thực hiện những năng lực thẩm mỹ của con người trong toàn bộ xã hội của họ, là phương thức thẩm mỹ của các hoạt động đó.

Văn hóa thẩm mỹ, theo cách xác định như vậy, có thể nhận diện được trong 02 tư cách tồn tại : Tư cách thực thể và tư cách thăng hoa.

Tư cách thực thể của văn hóa thẩm mỹ chính là hoạt động nghệ thuật.

Tư cách thăng hoa của văn hóa thẩm mỹ được thể hiện trong tất cả các hoạt động ngoài nghệ thuật.

Về đặc trưng của văn hóa thẩm mỹ được xác định trên ba bình diện : nhận thức luận, bản thể luận, và giá trị luận.

Và về cấu trúc của văn hóa thẩm mỹ được xác định trên hai bình diện : Bình diện xã hội và bình diện cá nhân.

Về mặt lý luận, khái niệm “văn hóa thẩm mỹ” chỉ thực sự được sử dụng trên sách báo Mác-xít (chủ yếu là sách báo Xôviết) từ những năm 60 của thế kỷ XX. Sự xuất hiện khái niệm này gắn liền với nhu cầu đẩy mạnh nghiên cứu bản thân khái niệm văn hóa. Tính đa diện, đa dạng, đa cấp độ của văn hóa, sự thâm nhập của văn hóa vào trong mọi lĩnh vực hoạt động người trong điều kiện xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi phải nghiên cứu văn hóa thẩm mỹ như là một thành tố hữu cơ và rất quan trọng của văn hóa. Đồng thời bản thân sự gia tăng của nhân tố thẩm mỹ trong mọi hoạt động người, nghĩa là sự gia tăng của yêu cầu đưa cái đẹp vào cuộc sống đòi hỏi phải đẩy mạnh việc xem xét văn hóa thẩm mỹ về cả mặt khu biệt (đặc trưng), cả về mặt tương tác của nó với những lĩnh vực xã hội khác. Từ đó có thể thấy rằng việc xác định khái niệm văn hóa thẩm mỹ, một mặt, bị quy định bởi việc xác định khái niệm văn hóa, mặt khác lại là điều kiện để xác định đầy đủ hơn bản thân khái niệm văn hóa.

Trong các công trình của các nhà triết học, văn hóa học Xôviết từ những năm sáu mươi đến nay, khái niệm văn hóa đã được xác định từ nhiều hướng tiếp cận khác nhau với những nội dung rộng hẹp khác nhau. Văn hóa khi thì được coi là tổng thể các giá trị vật chất và tinh thần mà loài người tích lũy được, khi thì được coi là bản thân phương thức của hoạt động người. Có tác giả quy văn hóa về thuộc tính của nhân cách; lại có tác giả xem

văn hóa như là một trạng thái chất lượng của xã hội có mặt trong mọi lĩnh vực đời sống xã hội.

Ngày nay, xu hướng chung là mở rộng nội hàm của khái niệm văn hóa. Việc mở rộng nội hàm của khái niệm văn hóa được dựa trên cơ sở quan niệm của Mác về sự đối tượng hóa những sức mạnh bản chất của con người trong các hoạt động và kết quả hoạt động của họ. Từ đó, văn hóa được nhìn nhận như là mức độ thể hiện và thực hiện các sức mạnh bản chất của con người trong mọi hoạt động xã hội, đồng thời là bản thân phương thức hoạt động đó. Sự xác định bản chất văn hóa như vậy cho phép nhận diện văn hóa trong hai tư cách tồn tại : *tư cách thực thể và tư cách thăng hoa*.

Nói đến tư cách thực thể của văn hóa là nói đến dạng hoạt động văn hóa đặc thù mà về thực chất là hoạt động tinh thần. Khác với các hoạt động kinh tế, chính trị, xã hội.....hoạt động văn hóa trong tư cách thực thể lấy sự thể hiện, thực hiện cũng như sự đối tượng hóa các sức mạnh bản chất của con người làm *mục đích tự thân*. Các sản phẩm của hoạt động văn hóa tức các thành tạo văn hóa, các giá trị văn hóa không đáp ứng nhu cầu vật chất, thực tiễn của con người, mà thỏa mãn những nhu cầu tinh thần của họ, nhu cầu nhận thức, đạo đức, thẩm mỹ.....

Bên cạnh tư cách thực thể, văn hóa còn bộc lộ hoặc thăng hoa trên tất cả các hoạt động và các sản phẩm của hoạt động người. Trong trường hợp này, văn hóa hiện diện như là *kiểu, trình độ, phương thức nhân tính* của các hoạt động đó. Trong những hoạt động thực tiễn, vật chất, giá trị văn hóa không phải là mục đích trực tiếp, chính yếu. Các sản phẩm của hoạt động kinh tế, xã hội, trước hết mang ý nghĩa chức năng hữu dụng, thỏa mãn nhu cầu vật chất, thực tiễn của con người. Các sản phẩm đó chỉ là các giá trị văn hóa theo nghĩa và trong chừng mực chúng biểu trưng cho các năng lực nhận thức, đạo đức, thẩm mỹ và các năng lực thực tiễn của con người. Nói khác đi, trong tư cách thăng hoa, văn hóa tồn tại như là phương diện hoặc nhân tố văn hóa của các lĩnh vực hoạt động xã hội.

Sự phân biệt tư cách thực thể và tư cách thăng hoa của văn hóa chỉ có ý nghĩa tương đối. Trong sự vận động và phát triển của xã hội, một sản phẩm vật chất nào đó chỉ mang tư cách văn hóa thăng hoa có thể mất đi chức năng hữu dụng của mình để trở thành giá trị văn hóa trong tư cách thực thể. Tuy vậy, việc nhìn nhận văn hóa trong hai tư cách là cần thiết không chỉ đối với việc nhận diện các yếu tố của nó trong đó có văn hóa thẩm mỹ.

Văn hóa thẩm mỹ được xem như một bộ phận cấu thành của văn hóa nói chung. Như vậy, cần xem xét văn hóa thẩm mỹ trong sự thống nhất với văn hóa từ bản chất, đặc trưng đến cấu trúc. Đồng thời văn hóa thẩm mỹ lại hiện diện như một lĩnh vực văn hóa đặc thù.

Cũng như đối với văn hóa, trước những năm sáu mươi, việc nhìn nhận văn hóa thẩm mỹ trong hai tư cách tồn tại chưa được đặt ra như vấn đề của mỹ học, văn hóa học. Văn hóa thẩm mỹ chỉ được xem xét trong tư cách thực thể : đó là nghệ thuật. Việc quy giản văn hóa thẩm mỹ chỉ về hoạt động nghệ thuật, mặc dù trong một chừng mực nhất định, cho phép vạch ra thực chất và biểu hiện cao nhất, tập trung nhất của văn hóa thẩm mỹ nhưng lại bộc lộ những hạn chế nhất định. Hạn chế ấy không chỉ ở chỗ bỏ quên về mặt lý luận một hình thái, một lĩnh vực vô cùng rộng lớn của văn hóa thẩm mỹ, mà quan trọng

hơn, đằng sau sự bỏ quên ấy là sự tự phát thẩm mỹ trong toàn bộ các hoạt động ngoài nghệ thuật của con người.

Khắc phục khiếm khuyết này, những nghiên cứu về văn hóa thẩm mỹ bốn thập kỷ gần đây chú ý đến những dấu hiệu chung đặc trưng nhất cho phép liên kết một cách toàn diện các lĩnh vực biểu hiện cụ thể của văn hóa thẩm mỹ. Xuất phát từ tính đặc thù của chức năng văn hóa thẩm mỹ, các tác giả của giáo trình “cơ sở lý luận văn hóa Mác – Lenin” cho rằng : “văn hóa thẩm mỹ là một thành tố nằm trong hệ thống văn hóa tinh thần. Chức năng đặc thù của văn hóa thẩm mỹ là đem lại cho chủ thể con người một biểu tượng trực quan về một hiện thực như lý tưởng mong muốn”.

Bằng cách định nghĩa thông thường nhất, định nghĩa mô tả, I.A Lukin và Scaccherosicốp cố gắng liệt kê những lĩnh vực biểu hiện của văn hóa thẩm mỹ. Theo các ông “văn hóa thẩm mỹ được hợp thành bởi các giá trị thẩm mỹ (tức là bởi những cái đẹp và cái cao cả trong mọi hoạt động của con người, trong lĩnh vực lao động, trong các quan hệ xã hội, trong giao tiếp, trong sinh hoạt, trong nghệ thuật); bởi những tập quán, phương thức, phương tiện mà con người có được và sử dụng để cảm thụ, nhận thức, chiếm lĩnh các giá trị này; bởi các năng lực tự hoạt động sáng tạo được thực hiện trong các công trình lao động, khoa học và nghệ thuật có mang tính chất và ý nghĩa thẩm mỹ, định nghĩa này nhằm vào các giá trị thẩm mỹ như là đặc trưng tiêu biểu của văn hóa thẩm mỹ. Từ tiêu chí đó, các ông chỉ ra ba biểu hiện căn bản của văn hóa thẩm mỹ : đó là bản thân các giá trị thẩm mỹ, phương thức sáng tạo và chiếm lĩnh chúng, các năng lực sáng tạo của chủ thể thẩm mỹ.

Các tác giả của giáo trình “văn hóa xã hội chủ nghĩa” cũng xem xét văn hóa thẩm mỹ như một bộ phận của văn hóa xã hội. Nhưng “bộ phận này có liên quan đến hoạt động của tình cảm, cảm xúc của những khả năng và năng khiếu, tức là những hoạt động tinh tế nhất của con người. Vì vậy văn hóa thẩm mỹ cũng là một bộ phận tinh tế nhất của văn hóa xã hội”

Mặc dù khác biệt trên những nét chi tiết, các định nghĩa trên đều thống nhất ở chỗ cho rằng văn hóa thẩm mỹ là một bộ phận đặc thù của văn hóa nói chung. Tính đặc thù của văn hóa thẩm mỹ thể hiện ở nguyên tố thẩm mỹ; nguyên tố này khi thì được nhấn mạnh ở khía cạnh tình cảm, cảm xúc, khi thì được nhấn mạnh ở khía cạnh giá trị thẩm mỹ mà trung tâm là cái đẹp.

Trên cơ sở những thành tựu mỹ học, văn hóa học Mácxít, chúng tôi cho rằng việc xác định bản chất văn hóa thẩm mỹ cần được đặt trong tương quan với văn hóa nói chung. Nếu văn hóa được hiểu như là mức độ thể hiện và thực hiện các sức mạnh bản chất của con người, như là phương thức nhân tính của các hoạt động đó, thì *văn hóa thẩm mỹ chính là sự thể hiện và thực hiện những năng lực thẩm mỹ của con người trong toàn bộ các hoạt động xã hội của họ, phương thức thẩm mỹ của các hoạt động đó*. Cố nhiên, sự xác định này mới chỉ ra nội hàm cơ bản nhất của khái niệm văn hóa thẩm mỹ.

Triết học Mácxít cho rằng mọi dạng hoạt động có mục đích của con người trong chừng mực được thực hiện một cách thành thạo, đồng thời được thực hiện một cách tự do nghĩa là thoát khỏi sự cưỡng bức từ bên ngoài, đều có thể trở thành địa bàn để thực hiện

những sức mạnh, những năng lực bản chất của con người. Chính theo nghĩa đó, văn hóa nói chung, văn hóa thẩm mỹ nói riêng hiện diện trong tất cả các hoạt động người, đồng thời là một đặc trưng về chất của các phương thức hoạt động đó.

Từ đó có thể thấy rằng không thể quy văn hóa thẩm mỹ chỉ về một tổng số các giá trị thẩm mỹ và nghệ thuật mà nhân loại tích lũy được. Văn hóa thẩm mỹ, theo nghĩa đầy đủ nhất là một thể thống nhất hữu cơ các giá trị thẩm mỹ và hoạt động sáng tạo thẩm mỹ của con người đang hiện thực hóa những năng lực thẩm mỹ của họ; đồng thời, văn hóa thẩm mỹ còn là một hệ thống độc đáo xuyên suốt tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống xã hội từ kinh tế, chính trị, khoa học... đến các quan hệ, các hoạt động giao tiếp của con người. Cũng như văn hóa, văn hóa thẩm mỹ tồn tại dưới hai tư cách, hai hình thái cơ bản: *hình thái thực thể và hình thái thăng hoa*.

Nói đến tư cách thực thể của văn hóa thẩm mỹ, theo nghĩa chặt chẽ, là nói đến nghệ thuật. Đó là sự kết tinh, biểu hiện tập trung và biểu hiện cao nhất của hoạt động văn hóa thẩm mỹ. Tính quy định của nghệ thuật như là biểu hiện tập trung, kết tinh của văn hóa thẩm mỹ là ở chỗ: mục đích tự thân, mục đích chính yếu của sáng tạo nghệ thuật nhằm vào việc thể hiện, thực hiện những năng lực tinh thần, thế giới tâm hồn, tình cảm, cảm xúc, những quan niệm và lý tưởng thẩm mỹ của con người. đồng thời sự tự thể hiện ấy được đối tượng hóa, khách thể hóa vào các chất liệu nghệ thuật (đường nét, màu sắc, âm thanh, ngôn từ, gỗ, đá,...) để trở thành giá trị nghệ thuật tức tác phẩm nghệ thuật. Đến lượt mình, các tác phẩm nghệ thuật lại trở thành đối tượng thỏa mãn nhu cầu nghệ thuật của con người.

Là sự thể hiện và thực hiện các năng lực thẩm mỹ của con người, văn hóa thẩm mỹ còn thăng hoa trên các dạng hoạt động khác của con người. Các hoạt động ngoài nghệ thuật không lấy sự thể hiện năng lực thẩm mỹ của con người làm mục đích trực tiếp, chủ yếu. Các sản phẩm tức kết quả của các hoạt động đó cũng không lấy việc thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ làm mục đích chính yếu. Nhưng trong khi thể hiện các năng lực đặc thù, đáp ứng các nhu cầu hữu ích đặc thù của mình, các hoạt động ngoài nghệ thuật lại bộc lộ tư cách thăng hoa của văn hóa thẩm mỹ.

Chính Mác là người đầu tiên phát hiện nhân tố thẩm mỹ của các hoạt động ngoài nghệ thuật khi ông phân biệt sản xuất của con vật với sản xuất của con người. Trong “Bản thảo kinh tế – triết học năm 1844”, Mác đã chỉ ra rằng sản xuất của con vật thì phiến diện vì bị chi phối bởi nhu cầu trực tiếp, sản xuất của con người thì phổ biến và tự do. Con vật chỉ chế tạo theo kích thước và nhu cầu của loài, còn con người, có thể sản xuất theo kích thước của bất kỳ loài nào và ở đâu cũng biết vận dụng bản chất cố hữu của mình vào đối tượng. Chính nhờ khả năng đó mà giới tự nhiên hiện ra vừa như là tác phẩm của con người, vừa như là thực tại của con người. Như vậy, sản xuất của con người là một quá trình kép nghĩa là vừa đáp ứng nhu cầu thực dụng vừa đáp ứng nhu cầu thẩm mỹ vừa tạo ra giá trị sử dụng vừa tạo ra một *thước đo xã hội*. Mác gọi quá trình kép đó là “chế tạo theo quy luật cái đẹp”

Cần thấy rằng văn hóa thẩm mỹ trong tư cách thăng hoa, xét về mặt lịch sử là có trước văn hóa thẩm mỹ trong tư cách thực thể. Theo quan niệm của chủ nghĩa duy vật lịch sử, ở giai đoạn ban đầu của loài người, hoạt động nghệ thuật gắn liền với hoạt động sản

xuất và tồn tại như là một phương diện của sản xuất nói chung. Chỉ đến một giai đoạn phát triển nhất định, khi nhu cầu thẩm mỹ đòi hỏi và trên cơ sở một năng lực có thể, hoạt động nghệ thuật mới được tách ra để trở thành một hoạt động độc lập có tư cách thực thể, nghĩa là lấy sự thể hiện và thực hiện các năng lực thẩm mỹ của con người làm mục đích trực tiếp. Đồng thời kết quả của hoạt động nghệ thuật cũng có một hình thái tồn tại và biểu hiện riêng, đó là các tác phẩm nghệ thuật, do vậy là sự đánh dấu một trình độ phát triển nhất định đồng thời là trình độ cao của văn hóa thẩm mỹ.

Tuy nhiên, quá trình hình thành và phát triển của nghệ thuật như một lĩnh vực đặc thù không làm mất đi ý nghĩa thẩm mỹ của các hoạt động ngoài nghệ thuật. Nói khác đi, sự xuất hiện tư cách thực thể không phủ định theo nghĩa loại trừ từ cách thăng hoa của văn hóa thẩm mỹ. Cùng với sự phát triển xã hội, năng lực sáng tạo của con người ngày càng càng phát triển. Các quan hệ và các lĩnh vực hoạt động càng đa dạng bao nhiêu thì nhu cầu về sự phát triển các năng lực nhân cách càng lớn và đa dạng bấy nhiêu. Đến lượt mình, các năng lực nhân cách càng phát triển thì khả năng đối tượng hóa những năng lực ấy càng được tăng cường, quy luật cái đẹp càng phát huy tác dụng trong mọi hoạt động. Trong xã hội hiện đại, quy luật gia tăng yếu tố thẩm mỹ trong các hoạt động sống của con người đã làm xuất hiện những loại hình hoạt động trung gian giữa tư cách thăng hoa và tư cách thực thể của văn hóa thẩm mỹ. Mỹ học sản xuất, mỹ thuật công nghiệp.....chính là cầu nối giữa nghệ thuật với sản xuất. Chúng xuất hiện với chức năng làm gia tăng yếu tố thẩm mỹ của môi trường sản xuất cũng như làm đẹp thêm các sản phẩm của công nghiệp.

Tất cả những điều đó chứng tỏ rằng văn hóa thẩm mỹ có quan hệ bản chất với con người và xã hội. Gorki từng nói con người về bản chất là một nghệ sỹ và ở đâu đó nó cũng muốn đưa cái đẹp vào trong cuộc sống. Chính mức độ đưa cái đẹp vào trong cuộc sống đánh giá trình độ văn hóa thẩm mỹ của một xã hội hoặc một con người.

Ngày nay, việc tiếp cận một cách toàn diện đối với văn hóa nói chung cũng như văn hóa thẩm mỹ nói riêng cần được tiến hành trên cơ sở ba bình diện : nhận thức luận, bản thể luận, giá trị luận. Sự phân biệt các bình diện của văn hóa thẩm mỹ chỉ có ý nghĩa tương đối. Văn hóa thẩm mỹ, về mặt tồn tại và biểu hiện, là một hoạt động tinh thần – thực tiễn, các bình diện thâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau, biểu hiện qua nhau. Tuy nhiên, không thể thấy được tính độc lập tương đối của mỗi bình diện. Do vậy, xem xét đặc trưng của văn hóa thẩm mỹ cũng cần phải xuất phát từ mỗi bình diện cụ thể.

*Về mặt nhận thức luận :* Mặc dù tồn tại và biểu hiện như một hoạt động tinh thần – thực tiễn, văn hóa thẩm mỹ, về thực chất, là một hoạt động tinh thần. Vì vậy, theo quan điểm duy vật lịch sử, văn hóa thẩm mỹ là sự phản ánh hiện thực, cuộc sống (tồn tại xã hội). Cố nhiên, văn hóa chính trị, văn hóa đạo đức và các loại hình văn hóa khác cũng phản ánh hiện thực. Nhưng các loại hình văn hóa ngoài thẩm mỹ chỉ phản ánh một lĩnh vực xác định của hiện thực, chẳng hạn, lĩnh vực chính trị, lĩnh vực đạo đức....văn hóa thẩm mỹ không phản ánh một lĩnh vực cụ thể, xác định của cuộc sống. Đối tượng đặc thù của nó là tính toàn vẹn của tồn tại xã hội, tồn tại người. Tính độc đáo của đối tượng phản ánh thẩm mỹ dẫn đến tính độc đáo của bản thân phương thức và kết quả của sự phản ánh thẩm mỹ. Văn hóa thẩm mỹ, do vậy, không phản ánh trực tiếp bản chất, thuộc tính của một đối

tượng nhất định, mà là sự phản ánh gián tiếp và ước lệ tính toàn vẹn của đối tượng thông qua *hình tượng thẩm mỹ*.

Nếu văn hóa chính trị được đặc trưng ở các quan điểm chính trị, văn hóa đạo đức được đặc trưng ở các chuẩn mực đạo đức, văn hóa khoa học được đặc trưng ở các khái niệm, thì văn hóa thẩm mỹ được đặc trưng ở hình tượng. Hình tượng thẩm mỹ chính là phương thức và là kết quả của sự phản ánh thẩm mỹ. Tuy nhiên, trong lịch sử mỹ học từng tồn tại nhiều cách hiểu khác nhau về hình tượng thẩm mỹ. Những người theo chủ nghĩa nhận thức luận thẩm mỹ đã đồng nhất bản chất của phản ánh thẩm mỹ với phản ánh khoa học. Đối với học sự khác biệt giữa phản ánh thẩm mỹ và phản ánh khoa học chỉ là hình thức của sự phản ánh. Một bên là hình tượng cảm tính, một bên là khái niệm trừu tượng. Cách tiếp cận này chính là cơ sở lý luận của nghệ thuật minh họa, của chủ nghĩa giáo huấn trong nghệ thuật từng bị phê phán cả từ phía những nhà duy mỹ lẫn những nhà mỹ học Mác-xít. Những người duy hình thức trong mỹ học hiện đại, đặc biệt là những nhà tiên phong chủ nghĩa coi thường hình tượng thẩm mỹ, hình tượng nghệ thuật như một thứ hình thức tuyệt đối bị tước hết nội dung. Vì vậy, để đánh giá thẩm mỹ một tác phẩm nghệ thuật, theo họ, “chẳng đòi hỏi gì ngoài cảm giác về hình thức, màu sắc và biết đến không gian ba chiều”

Mỹ học Mác-xít phủ nhận các cách tiếp cận trên và khẳng định rằng hình tượng thẩm mỹ là sự thống nhất giữa nội dung và hình thức, giữa cái cảm tính và cái lý tính, giữa cái đặc thù và cái phổ biến, giữa tính ước lệ và hiện thực cuộc sống. Chính vì vậy, hình tượng thẩm mỹ, hình tượng nghệ thuật vừa có khả năng biểu hiện thế giới tinh thần tức là tư tưởng, tình cảm, ý chí, mơ ước,... của con người (các chủ thể thẩm mỹ cụ thể) vừa phản ánh tính chất và xu thế phát triển xã hội. Sự thống nhất giữa biểu hiện và phản ánh khiến cho hình tượng thẩm mỹ, và do đó, văn hóa thẩm mỹ trở thành một hình thái đặc thù của ý thức xã hội.

*Về mặt bản thể luận* : Mặc dù có sự khác biệt giữa hai tư cách, tư cách thực thể và tư cách thăng hoa, văn hóa thẩm mỹ vẫn có một dấu hiệu đặc trưng chung để nhận biết. Đặc trưng tiêu biểu nhất về mặt bản thể của văn hóa thẩm mỹ là tính chất cảm tính của nó. Nói khác đi, văn hóa thẩm mỹ bao giờ cũng tồn tại và biểu hiện một cách cảm tính. Cố nhiên, không nên hiểu cảm tính theo nghĩa tuyệt đối, nghĩa là không liên quan gì đến trừu tượng, lý tính. Tính chất cảm tính của văn hóa thẩm mỹ được biểu hiện cả trên phương diện hoạt động cũng như trên phương diện kết quả của các hoạt động theo quy luật cái đẹp của con người. Trên phương diện hoạt động, mức độ tự do, sự thành thạo, khéo léo, kỹ năng, kỹ xảo... của các hoạt động sáng tạo của con người là những biểu hiện cảm tính có thể tạo ra mỹ cảm. Mỹ cảm này không chỉ nảy sinh ở những người đang thụ cảm thẩm mỹ một hoạt động sáng tạo nào đó mà còn nảy sinh ở chính ngay bản thân người đang thực hiện hành vi sáng tạo đó.

Trên phương diện kết quả hoạt động, các thành tạo thẩm mỹ (bao gồm các tác phẩm nghệ thuật và khía cạnh thẩm mỹ của các sản phẩm lao động) bao giờ cũng hiện ra như là tổng thể các hình tượng thẩm mỹ đã được đối tượng hóa trong những chất liệu vật chất. Khác với sản phẩm của hoạt động khoa học mà kết quả là các lý thuyết, các quan niệm mới, những trừu tượng, sản phẩm của hoạt động thẩm mỹ là những tác phẩm chỉ có thể

tồn tại và biểu hiện trên các chất liệu cảm tính. Nhờ tính chất cảm tính này mà văn hóa thẩm mỹ có thể được tiếp nhận một cách trực tiếp bằng các giác quan (tai, mắt) của con người. Tuy nhiên, tính trực quan cảm tính, tự nó, chưa nói hết phương diện bản thể luận của văn hóa thẩm mỹ. Các thành tạo của văn hóa thẩm mỹ, dưới hình thức hình tượng thẩm mỹ, hình tượng nghệ thuật là một kết cấu toàn vẹn được mỹ học Mácxít nhìn nhận theo ba cấp độ : 1, cấp độ vật chất cảm tính (từ ngữ, âm thanh, đường nét, màu sắc...và các kết hợp của chúng) 2, cấp độ tâm lý (tình cảm, cảm xúc, qua đó tạo nên tính tượng trưng và biểu tượng) 3, cấp độ trừu tượng (tư tưởng, trí tuệ, ý nghĩa). Như vậy, khi nói đến tính chất cảm tính của hình tượng thẩm mỹ là ngụ ý cấp độ vật chất của nó. Cấp độ này liên hệ hữu cơ và là hình thức biểu hiện của cấp độ tâm lý và trừu tượng. Nhờ thế mà sự toàn vẹn của các năng lực bản chất của con người đã được đối tượng hóa trong hình tượng có thể phát lộ qua cái cảm tính.

*Về mặt giá trị :* Văn hóa thẩm mỹ chính là một hệ thống giá trị đặc thù. Nói đến giá trị tức là nói đến một ý nghĩa nhất định của đối tượng trong quan hệ với chủ thể, đáp ứng một nhu cầu nhất định của chủ thể. Nhu cầu đó có thể là nhu cầu vật chất hoặc tinh thần. Hoạt động thẩm mỹ và kết quả của nó không nhằm vào nhu cầu thực tiễn vật chất của con người. Nó nhằm thỏa mãn nhu cầu tinh thần, nhu cầu về chính sự cảm xúc đối với quá trình thể hiện và thực hiện các năng lực bản chất của con người theo quy luật cái đẹp. Vì thế, sự thỏa mãn nhu cầu thẩm mỹ, sự chiếm lĩnh các giá trị thẩm mỹ không đòi hỏi phải thủ tiêu đối tượng. Thụ cảm thẩm mỹ là một sự thụ cảm *vô tư* không vụ lợi.

Trong lịch sử mỹ học từng có những cách lý giải khác nhau về thụ cảm thẩm mỹ và do đó dẫn đến những cách hiểu khác nhau về giá trị thẩm mỹ. Cantơ tuyệt đối hóa tính vô tư của phán đoán thị hiếu thẩm mỹ và cho rằng chỉ những gì không liên quan đến lợi ích kinh tế mới có thể là đối tượng đích thực của khoái cảm thẩm mỹ. Tiếp tục cách nhìn đó, những nhà duy mỹ trong khi biệt lập cái thẩm mỹ với cái nhận thức, cái đạo đức....đã biến giá trị thẩm mỹ thành sản phẩm thuần túy của những năng lực tâm lý chủ quan của con người. Tính vô tư do vậy trở thành cái đối lập theo chủ nghĩa tách rời tính hữu ích của đối tượng.

Mặc dù phân biệt giá trị thẩm mỹ với các giá trị ngoài thẩm mỹ, mỹ học Mácxít vẫn khẳng định mối liên hệ nội tại của giá trị thẩm mỹ với các giá trị thực dụng, đạo đức, nhận thức....Tính vô tư của thụ cảm thẩm mỹ, được hiểu như biểu hiện đặc thù của tính hữu ích. Các giá trị thẩm mỹ không thỏa mãn nhu cầu vật chất, thực tiễn, không đem lại một mối lợi trực tiếp nhưng có ý nghĩa to lớn đối với sự phát triển tinh thần của con người. Nếu các giá trị nhận thức, đạo đức, thực dụng.....là sự kết tinh những năng lực riêng biệt, cụ thể của con người, đồng thời thể hiện ý nghĩa cục bộ đối với sự phát triển nhân cách thì ngược lại, giá trị thẩm mỹ là một loại giá trị đa chức năng. Nó không chỉ có ý nghĩa đối với việc nâng cao năng lực thẩm mỹ (trong sự tương ứng với các năng lực nhận thức, đạo đức....) mà còn góp phần phát triển con người như một nhân cách toàn diện. Cụ thể hơn, các giá trị thẩm mỹ không chỉ đem lại khoái cảm thẩm mỹ, mà hơn thế, trong khi thỏa mãn nhu cầu về khoái cảm thẩm mỹ cho con người, chúng còn thể hiện chức năng nhận thức, đạo đức....Tuy nhiên, sự tác động về mặt nhận thức, đạo đức của các giá trị thẩm mỹ không thực hiện tách rời nhau và đặc biệt là không tách rời tác động thẩm mỹ. Chính là,

thông qua chức năng đem lại khoái cảm thẩm mỹ, các giá trị thẩm mỹ thể hiện tác động toàn vẹn và độc đáo lên nhân cách con người.

Các giá trị thẩm mỹ được thể hiện đa dạng, phong phú dưới hình thức cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài....trong đó cái đẹp là trung tâm.

Trong lịch sử mỹ học, Hegen là người có quan niệm độc đáo về *mối liên hệ hữu cơ* giữa cái đẹp với cái cao cả, cái bi, cái hài. Theo ông, cái đẹp đích thực là sự thống nhất giữa ý niệm và hình tượng. Nhưng trên thực tế không phải lúc nào cũng có sự thống nhất, sự quân bình như vậy. Khi ý niệm thắng hình tượng, nó sẽ hiện ra trong tính phổ biến và tính vô hạn của nó đối với chủ thể tiếp nhận, đưa chủ thể tiếp nhận vào lĩnh vực của ý niệm tuyệt đối, của cái vô hạn, nghĩa là vào lĩnh vực của *cái cao cả*. Ngược lại, khi hình tượng thắng, nghĩa là hình tượng đè nén, xuyên tạc ý niệm, thì lúc đó xuất hiện *cái hài*. Còn *cái bi* thì được xem là hình thái cao nhất và sâu sắc nhất của cái cao cả.

Sécnusepki trong khi phê phán tính chất duy tâm, tự biện của quan niệm Hegen về cái đẹp và các dạng phái sinh của nó, trong khi xác lập trường duy vật (cố nhiên là duy vật siêu hình) tính khách quan của cái đẹp, đã tách rời hoàn toàn cái đẹp ra khỏi cái cao cả, cái bi, cái hài, coi chúng là những giá trị hoàn toàn độc lập và tách rời nhau.

Khắc phục và vượt qua cả tính duy tâm, tự biện cũng như siêu hình của hai quan niệm trên, mỹ học Mácxít nhìn nhận cái cao cả, cái bi, cái hài là những giá trị được hình thành trong quan hệ thẩm mỹ của con người với hiện thực. Chính vì được hình thành trong *quan hệ thẩm mỹ, thực tiễn thẩm mỹ*, nên cái cao cả, cái bi, cái hài....là những biến thể, dạng phái sinh, các hình thức tồn tại khác của cái đẹp trong những điều kiện nhất định. Chính vì vậy, từ phương diện giá trị, khi phân biệt văn hóa thẩm mỹ với các dạng văn hóa khác, người ta thường coi *cái đẹp là tiêu chí tiêu biểu nhất* cho tính đặc thù của văn hóa thẩm mỹ.

Như vậy, *văn hóa thẩm mỹ thực chất là quá trình sáng tạo và tiêu thụ cái đẹp*. Trong tư cách thực thể của văn hóa thẩm mỹ, cái đẹp hiện diện dưới hình thức các tác phẩm nghệ thuật, các hình tượng nghệ thuật. Trong tư cách thăng hoa, cái đẹp bộc lộ ở sự hoàn thiện của các hoạt động sáng tạo, ở hình thức sản phẩm của các hoạt động đó. Ngoài ra cái đẹp còn thể hiện trong tự nhiên với tính cách là tự nhiên đã được lôi cuốn vào trong hoạt động phong phú, đa dạng của con người, *tự nhiên được nhân hóa cả về mặt thực tiễn lẫn tinh thần*.

Văn hóa thẩm mỹ là một hiện tượng xã hội có cấu trúc đa tầng, đa cấp độ. Nhìn tổng quát, có thể phân chia văn hóa thẩm mỹ ra hai thành phần cơ bản : *văn hóa thẩm mỹ xã hội và văn hóa thẩm mỹ cá nhân*.

*Văn hóa thẩm mỹ xã hội* được cấu thành từ văn hóa thẩm mỹ cá nhân nhưng không phải là tổng số đơn giản văn hóa thẩm mỹ cá nhân. Là tổng hòa văn hóa thẩm mỹ cá nhân, văn hóa thẩm mỹ xã hội khi đã định hình, thì ổn định hơn văn hóa thẩm mỹ cá nhân. Nó có cấu trúc riêng, và đến lượt mình, văn hóa thẩm mỹ xã hội quy định sự hình thành văn hóa thẩm mỹ cá nhân. Phương thức liên hệ và tác động qua lại giữa văn hóa thẩm mỹ xã hội và văn hóa thẩm mỹ cá nhân chính là *hệ thống giáo dục thẩm mỹ*. Giáo dục thẩm mỹ có chức năng biến văn hóa thẩm mỹ xã hội thành văn hóa thẩm mỹ cá nhân;



còn hoạt động thẩm mỹ cụ thể của các cá nhân chính là quá trình biến văn hóa thẩm mỹ cá nhân thành văn hóa thẩm mỹ xã hội.

Vì rằng văn hóa thẩm mỹ là sự thể hiện và thực hiện các sức mạnh bản chất của con người theo quy luật cái đẹp, nên cấu trúc của văn hóa thẩm mỹ xã hội bị quy định bởi đặc trưng các dạng hoạt động xã hội. Cụ thể hơn, tương ứng với mỗi dạng hoạt động xã hội là một dạng biểu hiện của văn hóa thẩm mỹ xã hội. Tuy nhiên, việc phân chia các dạng hoạt động là có tính tương đối. Các dạng hoạt động có thể thâm nhập và chuyển hóa lẫn nhau trong những điều kiện nhất định. Nhưng về đại thể, có thể nhìn nhận cấu trúc của hoạt động xã hội và do đó, cấu trúc của văn hóa thẩm mỹ xã hội bao gồm :

- *Hoạt động cải biến vật chất* : Tương ứng với dạng hoạt động này là *văn hóa thẩm mỹ của sản xuất* (văn hóa này lại bao gồm phương diện thẩm mỹ của bản thân quá trình sản xuất của môi trường sản xuất, của người lao động)

- *Hoạt động cải biến tinh thần* : Tương ứng là phương diện thẩm mỹ của thế giới quan, của hoạt động khoa học, hoạt động đạo đức,....

- *Hoạt động cải biến xã hội* : Tương ứng là văn hóa thẩm mỹ của thể thao, sinh thái, bảo vệ sức khỏe....

Văn hóa thẩm mỹ của các hoạt động kể trên chính là phương diện hoặc yếu tố thẩm mỹ của chúng. Nói khác đi đó là tư cách thăng hoa của văn hóa thẩm mỹ.

*Hoạt động nghệ thuật*, về tính chất, thuộc về hoạt động cải biến tinh thần, là văn hóa thẩm mỹ của hoạt động tinh thần. Nhưng là kết tinh của văn hóa thẩm mỹ, là hoạt động lấy sự thể hiện và thực hiện các năng lực thẩm mỹ của con người làm mục đích tự thân, lấy việc sáng tạo và thưởng ngoạn các giá trị thẩm mỹ làm mục đích trực tiếp, nên tự phân xuất thành một dạng đặc thù, *thành tư cách thực thể của văn hóa thẩm mỹ*.

Cũng như văn hóa thẩm mỹ xã hội, văn hóa thẩm mỹ cá nhân có cấu trúc riêng. Nó là một thể thống nhất của những năng lực, những thành tố, những cấp độ cơ bản sau :

*Cấp độ hoạt động – thực tiễn* : Ở cấp độ này, văn hóa thẩm mỹ cá nhân biểu hiện khả năng và mức độ mà một chủ thể nhất định có thể làm cho các hoạt động và các hành vi của mình bộc lộ ý nghĩa thẩm mỹ. Khả năng này biểu hiện ở sự thành thạo, sự tự do trong các hoạt động sáng tạo, ở việc nắm vững các chuẩn mực xã hội trong giao tiếp. Đến lượt mình, khả năng này lại bị quy định bởi trình độ phát triển và sự phong phú của tri thức, các năng lực thực tiễn, các nhu cầu, tình cảm, thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ của cá nhân.

*Cấp độ tâm lý – cảm xúc* : Cấp độ tâm lý – cảm xúc của văn hóa thẩm mỹ cá nhân chính là tổng thể hệ thống nhu cầu, tình cảm, thị hiếu, lý tưởng thẩm mỹ của con người. Ở cấp độ này, sự phong phú, chiều sâu và sự tinh tế của văn hóa thẩm mỹ cá nhân một mặt bị quy định bởi chính quá trình hoạt động thực tiễn, quá trình lao động sáng tạo theo quy luật cái đẹp, quá trình tham gia vào các quan hệ xã hội đa dạng của con người.....mặt khác, bị quy định bởi tính tích cực của nhân cách trong tiếp nhận giáo dục và tự giáo dục thẩm mỹ.

*Cấp độ lý tính* : cấp độ lý tính bao gồm tổng thể các tri thức thẩm mỹ của cá nhân. Đó là tri thức về mỹ học và lịch sử mỹ học, nghệ thuật học và lịch sử nghệ thuật. Những tri thức này được hình thành bằng con đường giáo dục và tự giáo dục thẩm mỹ. Cấp độ này quy định khả năng bao quát của ý thức thẩm mỹ cá nhân, quy định tính hướng đích, tính tự giác và do đó tính hiệu quả của việc thể hiện và thực hiện các năng lực thẩm mỹ của cá nhân trong mọi hoạt động thẩm mỹ – sáng tạo của họ.

Sự thống nhất và tác động qua lại của các thành tố, các cấp độ văn hóa thẩm mỹ cá nhân bảo đảm sự phát triển hài hòa văn hóa thẩm mỹ cá nhân. Tuy nhiên, ở từng con người cụ thể, sự phát triển của các thành tố văn hóa thẩm mỹ, do những nguyên nhân nhất định, có thể thiếu tương đồng đó, phát triển hài hòa các thành tố của văn hóa thẩm mỹ cá nhân là mục tiêu và lý tưởng của giáo dục và hình thành văn hóa thẩm mỹ.

### **IDENTIFYING CULTURE AND AESTHETIC CULTURE WITH TWO EXISTING QUALIFICATION : SUBSTANTIAL AND SUBLIME QUALIFICATION**

**Nguyen Ngoc Thu**

*ABSTRACT* : Depending on Karl Marx's thought of the objectifying capabilities of beings and results of their actions, from that basic point view, maybe defining the aesthetic culture is that the expressing and realizing the aesthetic capabilities of human beings in their own society, the aesthetic culture, from defining that, we can identify in two existing qualifications :

*The substantial qualification of aesthetic culture is that action of the art.*

*The sublime qualification of aesthetic culture is expressed on all of the actions without art actions.*

*The character of aesthetic culture has been definitude in three surfaces :*

- *Ontology*
- *Gnoseology*
- *Valueogy*

*The structure of aesthetic culture has been definitude in two surfaces :*

- *Social surface*
- *Personal surface*

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

[1] A.A Cnôđốp – Cơ sở lý luận văn hóa Mác – Lenin, trang 217 – Nhà Xuất bản Văn hóa, H.1983.

[2] Iu. Lukin, V.Xcacherôsicốp – Nguyên lý mỹ học Mác-Lenin, trang 339 – Nhà xuất bản sách giáo khoa Mác- Lenin, H.1984.

[3] Học viện Chính trị Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh – Văn hóa xã hội chủ nghĩa, trang 140 – Nhà xuất bản Tư tưởng – Văn hóa, H.1991.